

Biểu số 06.C

CÔNG KHAI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 61 /BC-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang).

Đvt: triệu đồng

Stt	Tên Doanh nghiệp	Doanh thu (Mã 10+21+31 BCKQHĐKD)		Lợi nhuận trước thuế (Mã 50 BCKQHĐKD)		Lỗ		Phải nộp NSNN (Mã 313 CĐKT)		Đã nộp NSNN		Đầu tư ngoài ngành		
		Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo	Lỗ phát sinh	Lỗ lũy kế	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo	Lĩnh vực	Tổng giá trị khoản đầu tư	
													Năm trước	Năm báo cáo
01	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hậu Giang	2.312.126	2.545.905	264.369	278.738	0	0	692.119	833.219	770.286	856.304	In ấn	7.000	5.000
02	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hậu Giang	95.634	11.589	42.350	2.886	0	0	16.538	1.706	13.667	9.636	-	0	0
03	Công ty CP Cấp thoát nước - CTĐT Hậu Giang	182.324	212.443	14.182	16.831	0	0	10.908	13.515	10.305	13.644	Xây dựng	0	1.900
04	Công ty Cổ phần Bến xe tàu Hậu Giang	-	18.350	-	-183	-183	0	-	1.707	-	2.223	-	0	0
05	Công ty Cổ phần Quy hoạch Kiến trúc và ĐTXD Hậu Giang	-	3.317	-	1.266	0	0	-	652	-	303	-	0	0
06	Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang	-	23.125	-	-3.803	-3.803	0	-	2.382	-	2.781	-	0	0
07	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hậu Giang	-	9.475	-	67	0	0	-	12	-	2	-	0	0
08	Công ty Cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang	-	1.604	-	-924	-924	0	-	178	-	43	-	0	0
Tổng cộng		2.590.084	2.825.808	320.901	294.878	-4.910	0	719.565	853.371	794.258	884.936	0	7.000	6.900

CÔNG KHAI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 61 /BC-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang).

Đvt: triệu đồng

St t	Tên Doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Tổng tài sản								Tổng nguồn vốn							
			Tổng số (Mã 270 CĐKT)	Trong đó:							Tổng số (Mã 300 CĐKT)	Nợ phải trả			Vốn chủ sở hữu (Mã 410 CĐKT)		Tỷ lệ sở hữu của nhà nước	
				Tài sản ngắn hạn (Mã 100 CĐKT)	Hàng tồn kho (Mã 140 CĐKT)	Đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã 120 CĐKT)	Đầu tư tài chính dài hạn (Mã 250 CĐKT)	Tài sản dài hạn (Mã 200 CĐKT)	Nợ phải thu (Mã 130 + Mã 210 CĐKT)	Nợph ải thu khó đòi		Nợ phải trả ngắn hạn (Mã 310 CĐKT)	Nợ phải trả dài i hạn (Mã 330 CĐKT)	Nợ vay (vay ngắn hạn và dài hạn) (Mã 320 CĐKT + Mã 338 CĐKT)	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo
01	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hậu Giang	Kinh doanh xổ số	743.911	623.644	1.282	322.839	5.000	120.267	144.548	0	130.301	130.301	0	0	549.011	613.609	100%	100%
2	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hậu Giang	Đầu tư tài chính và đầu tư phát triển	182.169	46.094	11.912	101.935	0	0	10.956	0	2.556	2.556	0	0	178.665	179.612	100%	100%
03	Công ty CP Cấp thoát nước - CTĐT Hậu Giang	Nước sạch, đô thị...	461.654	101.623	7.989	0	1.900	360.030	89.774	0	79.360	74.413	5.947	45.617	361.602	382.293	46,33 %	46,33 %

St t	Tên Doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Tổng tài sản								Tổng nguồn vốn							
			Tổng số (Mã 270 CĐKT)	Trong đó:							Tổng số (Mã 300 CĐKT)	Nợ phải trả			Vốn chủ sở hữu (Mã 410 CĐKT)		Tỷ lệ sở hữu của nhà nước	
				Tài sản ngắn hạn (Mã 100 CĐKT)	Hàng tồn kho (Mã 140 CĐKT)	Đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã 120 CĐKT)	Đầu tư tài chính dài hạn (Mã 250 CĐKT)	Tài sản dài hạn (Mã 200 CĐKT)	Nợ phải thu (Mã 130 + Mã 210 CĐKT)	Nợ phải thu khó đòi		Nợ phải trả ngắn hạn (Mã 310 CĐKT)	Nợ phải trả dài hạn (Mã 330 CĐKT)	Nợ vay (vay ngắn hạn và dài hạn) (Mã 320 CĐKT + Mã 338 CĐKT)	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo
04	Công ty Cổ phần Bến xe tàu Hậu Giang	Quản lý và khai thác bến xe, bến tàu phà...	36.893	11.406	0	0	0	25.487	1.804	0	2.744	2.442	302	302	34.434	34.149	96,79 4%	96,78 6%
05	Công ty Cổ phần Quy hoạch Kiến trúc và ĐTXD Hậu Giang	Lập quy hoạch xây dựng; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình...	9.894	9.796	0	0	0	98	4.258	0	3.831	3.831	0	0	6.063	6.063	68,75 %	68,75 %
06	Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang	Cung cấp nước sạch...	331.050	16.820	2.561	0	0	314.230	11.445	0	10.036	10.036	0	0	292.331	292.331	99,09 %	99,09 %

St t	Tên Doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Tổng tài sản								Tổng nguồn vốn							
			Tổng số (Mã 270 CĐKT)	Trong đó:							Tổng số (Mã 300 CĐKT)	Nợ phải trả			Vốn chủ sở hữu (Mã 410 CĐKT)		Tỷ lệ sở hữu của nhà nước	
				Tài sản ngắn hạn (Mã 100 CĐKT)	Hàng tồn kho (Mã 140 CĐKT)	Đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã 120 CĐKT)	Đầu tư tài chính dài hạn (Mã 250 CĐKT)	Tài sản dài hạn (Mã 200 CĐKT)	Nợ phải thu (Mã 130 + Mã 210 CĐKT)	Nợph ải thu khó đòi		Nợ phải trả ngắn hạn (Mã 310 CĐKT)	Nợ phải trả dài i hạn (Mã 330 CĐKT)	Nợ vay (vay ngắn hạn và dài hạn) (Mã 320 CĐKT + Mã 338 CĐKT)	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo
07	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hậu Giang	Nghiên cứu, lưu trữ, phát triển, cung cấp giống sản xuất giống nông nghiệp	40.780	13.427	7.184	0	0	27.363	4.315	0	25.218	25.218	0	2.510	15.504	15.562	49,06 9%	49,06 9%
08	Công ty Cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang	Đo đạc, lập bản đồ địa chính...	27.901	8.404	2.019	0	0	19.497	4.669	0	8.965	8.629	335	0	19.860	18.936	98,44 %	98,44 %
Tổng cộng			1.834.252	831.214	32.947	424.774	6.900	866.972	271.769	0	263.011	257.426	6.584	48.429	1.457.470	1.542.555		